

ng nghiệp khác. Thư xác nhận của KTĐL sẽ giúp cho các đơn vị nâng cao tính cạnh tranh đó.

Công việc của ktđl

Vì tầm quan trọng và phạm vi sử dụng kiểm toán rộng rãi như thế, cho nên công việc KTĐL cũng ngày càng được chế định chặt chẽ. Việc kiểm toán phải tuân theo những hướng dẫn chung về cách thức tiến hành kiểm toán và những nguyên tắc quy định do Hội kiểm toán chuyên nghiệp đề ra cho các hội viên của mình. Thông thường, những nguyên tắc này phải phù hợp với các chuẩn mực kế toán-kiểm toán quốc tế.

Một trong những công việc "nặng nề" của KTĐL là đánh giá về "tính chính xác và trung thực" (*true and fair*) của các báo cáo tài chính do đơn vị trình bày. Luật pháp nước nào cũng quy định các báo cáo tài chính này phải phản ánh một cách chính xác và trung thực. Do đó, khi tiến hành kiểm toán, các KTV sẽ phải có ý kiến về tính chất này trong những trường hợp cần thiết.

Tuy nhiên, người sử dụng kết quả KTĐL cần lưu ý những ngụ ý của một báo cáo kiểm toán "có nhận định đầy đủ" có nghĩa là:

- Việc ghi nhận sổ sách kế toán của đơn vị đã tuân theo đúng qui định;
- Các báo cáo kế toán phù hợp với các sổ sách kế toán đi kèm.
- KTV đã nhận được tất cả các thông tin và giải thích cần thiết.
- KTV đã tiếp cận với tất cả sổ sách kế toán, các báo cáo và chứng từ kế toán của đơn vị trong suốt thời gian kiểm toán.
- Các thông tin trong báo cáo của ban giám đốc nhất quán với báo cáo kế toán.

Điều đó cũng còn có ý nghĩa là các báo cáo tài chính đã được kiểm toán không có những sai sót lớn đến mức khiến cho người đọc báo cáo phải hiểu sai, nhưng chưa hẳn là không có sai sót gì cả. Những sai sót gây ra vì có nhận thức lệch lạc như thế được gọi là "trọng yếu" và KTV cần phải phát hiện những sai sót này. Do vậy, người sử dụng báo cáo kiểm toán "có nhận định đầy đủ" vẫn có thể tin cậy vào sự phản ánh toàn cục thông qua các báo cáo tài chính của đơn vị kiểm toán.

Ngược lại, một báo cáo kiểm toán "có nhận định bị hạn chế" là:

- + Báo cáo kiểm toán được lập ra khi KTV không thể đưa ra một ý kiến nhận định về một phần hoặc toàn bộ các báo cáo tài chính.
- + Báo cáo kiểm toán được lập ra khi KTV có ý kiến rằng một phần hoặc toàn bộ báo cáo tài chính không phản ánh sự chính xác và trung thực.

Tự bản báo cáo kiểm toán sẽ giải thích và cố gắng minh họa bằng các số liệu cụ thể về sự hạn chế của các báo cáo tài chính để người sử dụng không

4 PHÁT TRIỂN KINH TẾ

thắc mắc về ý nghĩa và ẩn ý của báo cáo tài chính. KTV sẽ nêu cụ thể biểu hiện của sự hạn chế đó bằng những ý kiến trái với những điểm trong báo cáo tài chính đã nói lên, hoặc sự hạn chế đó là sự khiếm khuyết những cơ sở chắc chắn để hình thành những ý kiến nhận định KTV.

Sự gian lận trong báo cáo tài chính

Gian lận là một hành động dối trá có toan tính với ý đồ mưu lợi. Sự gian lận trong báo cáo tài chính có thể xuất phát từ nhân viên trong bộ máy kế toán và/hoặc do ban giám đốc của đơn vị lập báo cáo tài chính để mưu lợi ích cá nhân. Sự gian lận còn có thể do chủ trương của đơn vị cố tình "bóp méo" tình hình tài chính và hiệu quả kinh doanh của đơn vị để mưu cầu lợi ích cho đơn vị.

Vì thế, trách nhiệm về sự gian lận và ngăn ngừa gian lận phải thuộc về ban giám đốc, những người có bốn phận bảo vệ tài sản của đơn vị. Nhiệm vụ của ban giám đốc là phải thiết lập một hệ thống nội kiểm để ngăn ngừa và phát hiện sự gian lận. Người KTĐL không chịu một phần trách nhiệm nào khi phát hiện sự gian lận...

Tuy nhiên, KTV phải có kế hoạch kiểm toán và tiến hành việc kiểm toán sao cho có một phán đoán hợp lý, để dàng phát hiện ra những sai phạm "trọng yếu" trong các báo cáo tài chính vì bất kỳ nguyên nhân nào. Mức độ trọng yếu tùy thuộc vào sự nhận định chuyên môn của KTV và có sự khác biệt giữa các công ty KTĐL khác nhau.

Trên thực tế, có nhiều trường hợp, thật khó mà xác định có hay không có gian lận. Vì vậy, để chắc chắn, các KTV thường cần thận và đề đạt ghi thêm trong thư xác nhận: "KTV không có trách nhiệm tìm ra mọi gian lận, trách nhiệm này còn thuộc về những đối tượng có liên quan". Tuy nhiên, cũng có khá nhiều trường hợp KTV bị buộc phải bồi thường về những thiệt hại cho những "nạn nhân" là những người sử dụng kết quả kiểm toán của KTV. Vì thế, các KTV thường phải dành ra một phần thu nhập của mình để mua bảo hiểm để phòng những trường hợp mà họ chưa ước lượng và đánh giá hết những rủi ro trong "nghề" kiểm toán.

Sự kiện KTV ở nhiều nước phải bồi thường ngày càng xảy ra nhiều hơn, theo ông Kennefic, cố vấn của WB về kế toán, kiểm toán cho rằng không phải chủ yếu do các KTV cấu thả mà vì các đối tượng có liên quan ngày càng theo dõi sát hơn cách làm việc của các KTV.

Có thể xem đó như một lời nhắc nhở những người sử dụng báo cáo kết quả kiểm toán không thể quá ý lại, quá tin cậy vào những xác nhận của KTV ☛

Vào các năm 1929-30, nhiều xí nghiệp tại Mỹ bị vỡ nợ. Các ngân hàng muốn thu hồi các số nợ cho các xí nghiệp trên đây bằng cách đem bán những tài sản được cầm thế, đã nhận thấy rằng có một số khách hàng không vay chỉ riêng một ngân hàng mà nhiều ngân hàng khác. Vì vậy, các ngân hàng đành chia với nhau trị giá số tài sản đã được cầm thế cho nhiều ngân hàng. Để tránh sự tái lập tình trạng trên đây, ngân hàng trung ương Mỹ thành lập Trung tâm rủi ro: mỗi khách hàng vay tiền được cấp một mã số duy nhất, và các ngân hàng cho vay phải khai báo số tín dụng cấp phát cho khách hàng. Tỷ như ông A có mã số là 09-03-5001, đến vay tại ngân hàng X 10 tr USD, Y 20 tr, Z 25 tr., 3 ngân hàng X, Y, Z sẽ khai báo cho Trung tâm rủi ro số tín dụng cấp phát, TTRR sẽ tổng cộng số tín dụng cấp của 3 ngân hàng là 55 tr USD, và thông báo lại cho 3 ngân hàng X-Y-Z biết rõ số tiền mà khách hàng 09-03-5001 đã vay của toàn bộ hệ ngân hàng tại Mỹ. Giả sử như ông A muốn đến vay một ngân hàng thứ tư - ngân hàng W - thêm một số tiền mới là 25 tr USD, ngân hàng W này có thể hỏi Trung tâm rủi ro về số tín dụng mà ông A đã vay, cùng với mức tín nhiệm có thể dành cho ông A. Trung Tâm rủi ro sẽ viết thư hỏi 3 ngân hàng X, Y, Z về ông A: ba ngân hàng này đã giao dịch với ông A nên biết rõ ông A có sống phẳng vào ngày đáo hạn hay không. Các tin trên sẽ được thông báo lại cho ngân hàng W. Như vậy, Trung tâm rủi ro giữ hồ sơ của toàn thể các khách hàng vay những số tiền khá lớn (tỷ như tại VN từ 5 tr đồng trở lên) và qua Trung tâm rủi ro các ngân hàng thương mại, đầu tư sẽ có những thông tin về khách hàng muốn tới vay tiền.

Ở Việt Nam, sau các vụ việc phá sản của các hợp tác xã tín dụng, Đại Thành, Xacogiva v.v..., ngân hàng đã thành lập Trung tâm rủi ro. Hoạt động của Trung tâm rủi ro bước đầu đã tạo được an toàn tín dụng cho ngân hàng. Trong nước, dần dần xuất hiện một số doanh nhân có uy tín được vay tiền của ngân hàng nhằm vào việc tài trợ đầu tư, tân trang thiết bị và sản xuất các mặt hàng mới.

1. Từ trung tâm rủi ro đến trung tâm tập trung, phân tích các xí nghiệp

Ở ngoại quốc, khi xét đơn vay tiền, các ngân hàng còn buộc các xí nghiệp nộp bản tổng kết tài sản và bản kết quả kinh doanh. Hai bản này có thể trình bày dưới hình thức rất có đọng như sau:

TỪ TRUNG TÂM RỦI RO ĐẾN TRUNG TÂM KIỂM TOÁN KINH TẾ

TS. LÊ KHOA

Bản Tổng kết tài sản XN A (với 3 giả thuyết khác nhau)

Tích sản	A	B	C	Tiêu sản	A	B	C
Tích sản cố định: nhà, máy	40	40	40	Vốn riêng	40	40	40
Tích sản lưu động: Hàng, vật tư	40	40	40	Vốn vay NH	35	35	35
Quỹ và tiền gửi ngân hàng	20	10	1	Thiếu người cung cấp	10	10	10
				Lãi (+) lỗ (-)	15	5	-4
Cộng	100	90	81		100	90	81

Bản đầu vào đầu ra hay kết quả kinh doanh :

Đầu vào : các phí :				Đầu ra : Doanh thu:			
Mua vật tư	20	25	30	Bán hàng	63	53	49
Lương	25	30	34	Thu khác	2	2	2
khấu hao máy	3	3	3				
Lãi ngân hàng	0,5	0,5	0,5				
Thuế	1,5	1,5	1,5				
Lãi	15	5	-4				
Cộng	65	55	51	Cộng	65	55	51

Hai bản số trên đây, dưới hình thức rất ngắn gọn, cho biết rõ rệt tình hình xí nghiệp.

Trường hợp A, tổng số doanh thu là 65 tr, tổng chi 50, lãi 15. Số lãi này được đem lên bản tổng kết tài sản. Hiệu quả đầu tư của vốn riêng là 15/40, hay 3/8, (đầu tư 8 đ lãi 3 đ), với tỷ lệ lãi cao như trên, xí nghiệp dễ dàng trả nợ ngân hàng hay đầu tư thêm để làm những mặt hàng mới chất lượng cao.

Trường hợp B, tổng số doanh thu vẫn là 65 tr, nhưng do lương và vật tư tăng 10 tr, lãi chỉ còn 5 tr. Hiệu quả của vốn riêng chỉ là 1/8 và khả năng thanh toán nợ ngân hàng chậm.

Trường hợp C, tổng số doanh thu vẫn là 65 tr, nhưng do giá nhân công và vật tư tăng thêm 9 tr, xí nghiệp lỗ 4 triệu, vốn riêng chỉ còn 40-4= 36 tr và

không có khả năng trả nợ ngân hàng và các nhà cung cấp.

Như vậy, việc phân tích các bản tổng kết và kết quả kinh doanh của các xí nghiệp là một công cụ cực kỳ nhạy bén để nắm tình trạng lời lỗ và khả năng trả nợ của các xí nghiệp.

2. Từ trung tâm phân tích tình hình các xí nghiệp đến trung tâm cung cấp một số tư liệu thống kê, phân tích và đề xuất một số biện pháp vĩ mô

Trở lại mã số 09-03-5001 cấp cho ông A. Mã số 09 có thể chỉ định ngành dịch vụ, khách sạn, còn 03 là tên một Tỉnh, 5001 là mã số khách hàng. Với các mã số như trên, Trung tâm rủi ro có thể tập trung số tín dụng không những theo khách hàng, mà còn theo ngành hoạt động - nông - lâm - công - dịch vụ, vận tải, khách sạn, xuất nhập khẩu v.v..., và sắp xếp các tín dụng theo

quy mô cấp ít hay nhiều. Nói một cách tổng quát, muốn cho ngành nào phát triển nhanh thì ngân hàng tập trung tín dụng ưu tiên cho ngành đó. Tỷ như nếu quyết định sắt thép, cơ khí, việc chế tạo các phụ tùng Honda, xe ô tô, máy vi tính là những ngành phát triển ưu tiên, ngân hàng nên tập trung ưu tiên tín dụng cho các ngành nói trên. Vậy, các tài liệu thống kê về việc phân phối tín dụng cho các xí nghiệp, theo từng ngành và theo quy mô tín dụng cấp phát là 1 trong những dụng cụ quản lý kinh tế vĩ mô hữu hiệu.

Tiếp theo, bản phân tích tình hình lời lỗ, khả năng hoàn trái từng xí nghiệp (được sắp xếp theo từng ngành, theo thứ tự lời ít hay nhiều), là một công cụ nghiên cứu và điều khiển kinh tế vĩ mô sắc bén thứ 2. Xí nghiệp kinh doanh lỗ hay lãi là có thể do một số nguyên nhân: một là quản lý nội bộ kém hay tốt, hai là do thời cơ kinh tế, giá cả có thuận lợi hay không, ba là hàng ra tốt hay xấu, bốn là do các biện pháp vĩ mô như tỷ giá, thuế khóa, lãi suất cao thấp, xuất nhập ít hay nhiều liên can đến ngành. Có khi, toàn thể một ngành kinh tế (như giấy, mía đường v.v...) bị lỗ, (nguyên nhân do các biện pháp vĩ mô, thời cơ kinh tế) có khi, chỉ một vài ba xí nghiệp trong ngành bị lỗ thôi, (lý do vĩ mô: quản lý nội bộ kém).

Căn cứ trên các bản phân tích lời lỗ, đối với các xí nghiệp lỗ sẽ tìm biện pháp khắc phục, còn đối với những xí nghiệp có lãi cao ngân hàng và Ủy ban kế hoạch ưu tiên tập trung vốn và phương tiện để đẩy mạnh sự phát triển nhanh hơn.

Từ đó, trung tâm rủi ro nên tiến thêm một bước nữa và trở thành một trung tâm phân tích thời cơ kinh tế, đề xuất một số biện pháp vĩ mô và vĩ mô thích hợp để giảm bớt tình trạng các xí nghiệp bị lỗ và nâng cao hơn nữa mức lợi nhuận của các công ty vốn đã có lợi nhuận cao, với điều kiện số lợi nhuận thu được nên ưu tiên dành cho đầu tư, trang bị máy móc, canh tân kỹ thuật ♣

PHÁT TRIỂN KINH TẾ 5